

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CT
TỈNH TN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 23/5/2019

V/v trA chấp ly hôn

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Thái Văn Lộc

2/ Bà Nguyễn Thị Kim Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CT tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 224/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2019 về việc “TrA chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2019/QĐXX-ST ngày 06 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thiên A - sinh năm 1994;

Địa chỉ: Số 36, Tổ 2, ấp HH, xã HT, huyện Hòa Thành, tỉnh TN.

2. *Bị đơn:* A Phạm Văn P - sinh năm 1990;

Địa chỉ: Tổ 6, ấp TH, xã ĐK, huyện CT, tỉnh TN.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 4 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thiên A trình bày: Chị và A P chung sống vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HT, huyện HT, tỉnh TN. Thời gian chung sống lúc đầu hạnh phúc, nhưng càng về sau vợ chồng bất đồng ý kiến trong cuộc sống, cãi nhua thường xuyên ngày càng nhiều hơn, hiện tại vợ chồng sống ly thân từ năm 2016 đến nay, nay tình cảm vợ chồng không còn, nay hàn gắn không được, nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với A P.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Phạm Thảo Uyên - sinh năm 2014, chị yêu cầu nuôi con, A P có tiền cấp dưỡng cho con thì cho, nếu không có thì chị không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, vợ chồng không nợ chung.

Tại lời khai ngày 12 tháng 4 năm 2019, bị đơn A Phạm Văn P trình bày: A và chị A chung sống với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HT, huyện HT, tỉnh TN, vợ chồng sống chung đến 2016 thì mâu thuẫn và sống ly thân đến nay, nay hàn gắn không được nên A đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung như vợ trình bày, vợ đang nuôi con A đồng ý giao con cho vợ nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con, khi A có tiền A cho con sau.

Tài sản chung: Không yêu cầu và không nợ ai.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CT phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự, những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014, Nghị quyết số 326 về án phí lệ phí: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị A. Con chung giao cho chị A tiếp tục nuôi con, ghi nhận chị A không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu; chị A phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tra tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thiên A là nguyên đơn và A Phạm Văn P là bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên cần áp dụng vào Điều 228, 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị A và A P.

[2]. Về nội dung:

Xét về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thiên A là nguyên đơn và A Phạm Văn P chung sống với nhau vào năm 2013, đăng ký kết hôn ngày 01 tháng 7 năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã HT, huyện HT, tỉnh TN, nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Quá trình sống chung đến tháng năm 2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ đó đến nay, chị A xác định vợ chồng không thể hàn gắn được, yêu cầu được ly hôn với A P. A P thừa nhận vợ chồng sống chung có mâu thuẫn và sống ly thân từ tháng năm 2016 đến nay, nay A đồng ý ly hôn với chị A. Do đó, giữa chị A và A P không còn tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu của chị A là phù hợp.

[3]. Về con chung: Chị A và A P thống nhất có 01 con chung tên Phạm Thảo Uyên - sinh ngày 05/7/2014, hiện đang sống chung với chị A, chị A yêu cầu nuôi con, không yêu cầu A P cấp dưỡng nuôi con; A P thống nhất ý kiến của chị A, nên cần giao

cháu Uyên cho chị A tiếp tục nuôi dưỡng, ghi nhận chị A không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

A P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai có quyền cản trở.

[4]. Tài sản chung: Chị A, A P không yêu cầu giải quyết, nợ chung khai không nợ, nên không đặt ra giải quyết.

[5]. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CT đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp.

[6]. Về án phí: Chị A phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thiên A đối với A Phạm Văn P.

Chị Trần Thiên A và A Phạm Văn P được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thiên A tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Phạm Thảo Uyên - sinh ngày 05/7/2014.

Ghi nhận chị A không yêu cầu A P cấp dưỡng nuôi con.

A P có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai có quyền cản trở.

3. Tài sản chung: Chị A, A P không yêu cầu giải quyết, nợ chung khai không nợ, nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị A phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0019661 ngày 05/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, chị A đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh TN trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân nơi cư trú.

Các Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Hiệp Tân;
- Các đương sự;
- Lưu HS,TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thịnh

Các Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa